

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 289/2018/DS-PT

Ngày: 30 - 8 - 2018

V/v tranh chấp “Hợp đồng mua bán”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Hiệp.

Các Thẩm phán: Ông Lê Thanh Toàn.

Ông Nguyễn Ngọc Thái Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Sắc Ly - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Ông Võ Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 285/2017/TLPT-DS ngày 07 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 121/2017/DSST ngày 12/9/2017, của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 380/2017/QĐ-PT ngày 28 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Trần Huy Q, sinh năm: 1976

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Lê Hoàng A, sinh năm: 1964 (có mặt) (Theo Giấy ủy quyền ngày 27/11/2017);

Địa chỉ: khu A, thị trấn C, huyện C, Tiền Giang.

- Bị đơn: 1. Ngô Văn S, sinh năm: 1972

Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Ngô Văn S: Bà Lê Hà P, sinh năm: 1973 (có mặt) (Theo Giấy ủy quyền ngày 08/5/2018);

2. Lê Hà P, sinh năm: 1973 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Ngô Văn S và Lê Hà P: Luật sư Phan Duy V- Văn phòng Luật sư T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Ngô Văn S, Lê Hà P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

* Nguyên đơn anh Trần Huy Q và chị Trần Lan A - đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Trần Huy Q trình bày:

Anh Q có bán gạo với vừa gạo Tấn Thành do vợ chồng chị Lê Hà P, anh Ngô Văn S làm chủ, hai bên mua bán nhiều chuyến, các chuyến trước thì chị P, anh S trả tiền đủ, còn lại 02 chuyến cuối chưa trả tiền, cụ thể:

+ Chuyến thứ nhất: Ngày 01/11/2016 Anh Q bán cho chị P, anh S loại gạo thơm (lúa 4900) các loại gồm:

500 bao gạo thành phẩm x giá 9.200 đồng/kg = 230.000.000 đồng;

100 bao gạo thành phẩm x giá 9.600 đồng/kg = 48.0000.000 đồng.

197 bao gạo thành phẩm x giá 9.700 đồng/kg = 95.545.000 đồng.

74 bao gạo phé x giá 8.000 đồng/kg = 29.600.000 đồng.

Tổng thành tiền là 403.145.000 đồng. Sau khi trừ chi phí, chị P, anh S còn nợ lại số tiền 336.325.000 đồng.

+ Chuyến thứ hai: Anh Q bán cho chị P, anh S gồm gạo, tấm, cám thành tiền là 209.625.000 đồng.

Tổng cộng 02 chuyến mua bán thì anh S, chị P còn nợ lại Anh Q số tiền 545.950.000 đồng. Chị P đại diện lập sổ mua bán và ký xác nhận có nợ 02 khoản tiền trên và hẹn trả ngày 21/01/2017.

Nay Anh Q yêu cầu chị P và anh S liên đới có nghĩa vụ trả số tiền 545.950.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định đối với số tiền 336.325.000 đồng từ ngày 02/11/2016 và số tiền 209.652.000 đồng từ ngày 21/01/2017 đến ngày xét xử với mức lãi suất 0,75%/tháng.

* Bị đơn chị Lê Hà P trình bày:

Vào ngày 02/10/2016 Anh Q có số gạo mất màu không bán được có giá trị 545.950.000 đồng gửi nhờ chị bán dùm, do làm ăn quen biết nên tôi nhận bán dùm không hoa hồng. Hai bên thỏa thuận miệng: chị bán được bao nhiêu thì chuyển trả bao nhiêu. Chị đã bán và chuyển cho Anh Q số tiền 180.000.000 đồng, chỉ còn nợ lại Anh Q số tiền 365.950.000 đồng, không phải nợ Anh Q số tiền 545.950.000 đồng như lời Anh Q khai. Nay chị đồng ý trả cho Anh Q số tiền 365.950.000 đồng, xin trả số tiền này làm 03 lần trong thời hạn 03 năm, không đồng ý trả lãi.

* Bị đơn anh Ngô Văn S không có ý kiến và lời khai về việc kiện.

* Bản án dân sự sơ thẩm số: 121/2017/DS-ST ngày 12/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện C đã căn cứ vào các Điều 430, 440, 138, 288, 357 của Bộ luật dân sự; Các Điều 26, Điều 35, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Huy Q.

Buộc chị Lê Hà P và anh Ngô Văn S liên đới trả cho anh Trần Huy Q số tiền 576.659.687 đồng (Tiền vốn 545.950.000 đồng, tiền lãi 30.709.687 đồng).

Kể từ ngày Anh Q có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị P, anh S chậm trả tiền thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi suất chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Chị P, anh S phải chịu 27.066.387 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại Anh Q số tiền 12.919.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 06850 ngày 16/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 26 tháng 9 năm 2017, bị đơn Lê Hà P và Ngô Văn S có đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, anh chị đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 365.950.000 đồng và sửa số tiền án phí.

Trình bày của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm:

* Bị đơn Ngô Văn S, Lê Hà P (đại diện hợp pháp Bà Lê Hà P) trình bày: bà P cho rằng bà có nợ tiền gạo, cám mua của ông Q số tiền là 545.950.000 đồng gồm 02 chuyển, chuyển thứ nhất 336.325.000 đồng, chuyển thứ hai nợ 209.625.000 đồng như nội dung bị đơn đã viết vào sổ của nguyên đơn vào ngày “02/10”. Tuy nhiên, tổng số tiền nợ đó bị đơn đã chuyển khoản tại Ngân hàng trả cho nguyên đơn 180.000.000 đồng 02 lần (lần thứ nhất vào ngày 05/11/2016 số tiền 80.000.000 đồng; lần thứ hai vào ngày 15/11/2016 số tiền 100.000.000 đồng).

* Nguyên đơn Trần Q Huy (đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Lê Hoàng A) trình bày: tiếp tục giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và cho rằng 180 triệu mà bà P chuyển trả cho nguyên đơn hai lần là trả cho số tiền nợ của chuyển gạo trước thể hiện ở biên nhận nợ trước vào ngày 28/9, hai khoản nợ sau bà P chưa trả nên đến ngày 21/1/2017 bà P mới ghi giấy cam kết trả số tiền nợ của 02 khoản nợ tại biên nhận của ngày “2/10/16”. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Ngô Văn S, Lê Hà P Luật sư Phan Duy V trình bày: Luật sư cho rằng về ngày tháng đơn khởi kiện không phù hợp và biên nhận “ngày 21/1/2017” cũng không ghi số tiền nợ, không ghi số tiền nợ cụ thể là bao nhiêu thì căn cứ vào đâu để nguyên đơn yêu cầu khởi kiện, nên việc nguyên đơn yêu cầu khởi kiện và Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là chưa có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa án sơ thẩm chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử có căn đúng pháp luật, tài liệu Tòa án cấp phúc thẩm đã thu thập được chưa thể hiện việc bị đơn đã trả cho nguyên đơn trong số tiền gạo, cám tại biên nhận nợ của ngày “2/10/16”, trong khi đó thể hiện tại biên nhận nợ ngày “28/9/” có chuyển 180 triệu đồng trả cho khoản nợ này chứ không phải khoản nợ tại biên nhận ngày 2/10 và đến ngày 21/1/17 bị đơn đã viết cam kết trả đủ số nợ tại biên nhận ngày “2/10/16. Do đó, không có căn cứ cho rằng số tiền chuyển khoản 2 lần 180 triệu bị đơn đã trả cho nguyên đơn với tổng số tiền nợ là 545.950.000 đồng, nên nội dung kháng cáo của bị đơn không có cơ sở xem xét đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm xác định mối quan hệ tranh chấp và thẩm quyền xét xử có căn cứ đúng pháp luật theo quy định của Bộ luật Dân sự và Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn tiếp tục giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn ông Ngô Văn S, bà Lê Hà P trả cho ông Trần Huy Q số tiền 576.659.687 đồng (gồm 545.950.000 đồng tiền vốn và 30.709.687 đồng tiền lãi). Bị đơn bà Lê Hà P không đồng ý trả số tiền như nguyên đơn yêu cầu và Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử, mà chỉ đồng ý trả cho ông Q số tiền 365.950.000 đồng bà cho rằng bà đã trả cho ông Q số tiền 180.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản qua ngân hàng, bà đã yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm thu thập tài liệu chứng cứ tại Công an huyện C và ngân hàng Sacombank phòng giao dịch huyện C. Nguyên đơn cho rằng giữa nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện việc mua bán gạo với nhau, công nhận về số lượng gạo, cám như viết trong biên nhận với nguyên đơn, chữ viết trong các biên nhận, tờ cam kết là do bị đơn Lê Hà P viết khi thực hiện việc giao gạo, cám.

[3] Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy, giữa nguyên đơn Trần Q Huy và bị đơn Ngô Văn S và Lê Hà P đã thực hiện việc mua bán gạo, có sổ sách theo dõi việc giao nhận mua bán giữa hai bên đã được Tòa án cấp sơ thẩm thu thập tại các bức lục (số 10,11,12 và biên nhận bản chính tại bức lục 49) các biên nhận này do bị đơn Lê Hà P tự viết khi giao dịch với nguyên đơn, tại bức lục 12 có thể hiện “chuyển 180.000.000 đồng” ở một nội dung thanh toán khác so với các biên nhận tại bức lục (số 11) thể hiện số tiền “TC: 336.325.000”, và “TC: 209.625 và có ghi ‘Tôi P vừa gạo Tấn Thành có mua của Q hai số gạo trên chưa thanh toán’ phù hợp với số tiền nguyên đơn yêu cầu ông S bà P phải trả do mua gạo cám còn nợ ông Q, tại bức lục (số 10) ngày 21/01/2017 bà P cam kết trả tiền cho ông Q với nội dung “... có hứa trả đủ 2 số tiền trên...”. Do đó, nếu bà P đã trả cho nguyên đơn số tiền 180 triệu trong số tiền nợ 545.950.000 đồng tại biên nhận nợ ngày “2/10” thì bà P không viết giấy cam kết đến “ngày 21/1/17” sẽ trả đủ số tiền theo biên nhận “ngày 2/10/16”, vì việc chuyển khoản 180 triệu được

thực hiện 02 lần (lần một vào ngày 05/11/2016, lần hai vào ngày 15/11/2016) các lần chuyển tiền này có sau tờ cam kết trả khoản nợ 545.950.000 đồng tại biên nhận nợ ngày “2/10” tài phiên tòa phúc thẩm bà cho rằng do bị nguyên đơn ép viết nên mới viết nội dung như vậy, nhưng bà P không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh về lời khai của mình khi bị ép buộc viết cam kết trả nợ.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm đã thu thập 02 tài liệu có liên quan đến vụ kiện gồm chi tiết lịch sử giao dịch chuyển tiền giữa bà Lê Hà P với ông Trần Huy Q tại phòng giao dịch C ngân hàng TMCP Sài Gòn thương Tín CN. Tiền Giang (BL 120) thể hiện có chuyển 02 khoản tiền, lần thứ nhất chuyển số tiền 80.000.000 đồng vào ngày 05/11/2016, lần thứ hai chuyển số tiền 100.000.000 đồng vào ngày 15/11/2016 và biên bản đối chất tại Công an huyện C ngày 26/4/2017, theo bà P khai ông Q thừa nhận số tiền 180.000.000 đồng bà trả là trong khoản nợ 545.950.000 đồng, nhưng trong biên bản đối chất không thể hiện ông Q thừa nhận bà P trả 180 triệu trong khoản nợ này, do đó lời khai của bà P là không có căn cứ.

Đối với thời gian chuyển tiền cho thấy việc bà P có chuyển tiền cho ông Q hai lần vào các ngày 05 và ngày 15 tháng 11 năm 2016 với số tiền 180.000.000 đồng, tài liệu trong hồ sơ thể hiện tại bức lục số 12 có thể hiện số nợ và số chuyển 180 triệu (252.171.000 đồng chuyển 180.000.000 đồng còn 72.171.000 đồng) và bà P cũng thừa nhận chỉ có chuyển một lần với số tiền 180 triệu làm hai lần như tài liệu mà Tòa án cấp phúc thẩm đã thu thập. Nhưng tại bức lục (số 11) thể hiện số tiền còn nợ của ông Q là 336.325.000 đồng, số tiền 209.625.000 đồng là số bà P ghi nợ chưa trả cho ông Q không thấy thể hiện việc chuyển trả 180.000.000 đồng như đã thể hiện tại bức lục (số 12).

[4] Ý kiến của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn cho rằng cam kết trả nợ của bị đơn viết cho nguyên đơn không thể hiện số tiền, nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ bán gạo là không có căn cứ.

Hội đồng xét xử nhận thấy giữa nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận việc giao dịch mua bán gạo, cầm và viết biên nhận nợ tiền được thể hiện tại các bức lục (số 11, 12) do bị đơn chưa thực hiện việc thanh toán cho nguyên đơn nên bị đơn viết tiếp cam kết thời gian trả nợ cho nguyên đơn tại bức lục 10 (bản sao) và bức lục số 49, từ đó cho thấy ý kiến của luật sư trình bày là không có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Huy Q buộc ông Ngô Văn S và bà Lê Hà P liên đới trả cho ông số tiền 545.950.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận. Đối với kháng cáo của bị đơn như đã nhận định và phân tích trên không có căn cứ để chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang. Tuy nhiên, tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm khi đối chiếu tài liệu chứng cứ là bản photo Thẩm phán đối chiếu phải ký tên, ghi ngày tháng và đóng dấu vào tài liệu chứng cứ đó và ghi rõ là đã đối chiếu với bản gốc.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Về án phí: Do nội dung kháng cáo của bị đơn không được xem xét chấp nhận, căn cứ vào Khoản 1, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 293 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 430, 440, 138, 288, 357 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Không Chấp nhận kháng cáo của ông Ngô Văn S, bà Lê Hà P.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 121/2017/DS-ST ngày 12/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện C.

- Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Huy Q.

Buộc chị Lê Hà P và anh Ngô Văn S liên đới trả cho anh Trần Huy Q số tiền 576.659.687 đồng (Năm trăm bảy mươi sáu triệu sáu trăm năm mươi chín ngàn sáu trăm tám mươi bảy đồng). (Tiền vốn 545.950.000 đồng, tiền lãi 30.709.687 đồng), khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Anh Q có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị P, anh S chậm trả tiền thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi suất chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

+ Án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Lê Hà P, anh Ngô Văn S phải chịu 27.066.387 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại anh Trần Huy Q số tiền 12.919.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 06850 ngày 16/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

+ Án phí dân sự phúc thẩm:

Anh Ngô Văn S, chị Lê Hà P phải nộp 300.000 đồng án phí phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 07541 ngày 27/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, nên đã nộp xong án phí phúc thẩm.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh TG;
 - TAND huyện C;
 - THADS huyện C;
 - Các đương sự;
 - Lưu: VT, hồ sơ vụ án.
- DSPT-2017-H

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Hoàng Hiệp